TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Bích D, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước; tạm trú: tổ 3, khu phố T, phường P, thị xã U, tỉnh Bình Dương; Có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Phạm Phong P, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 3, khu phố T, phường P, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bích D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích D và ông Phạm Phong P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay thành phố) U, tỉnh Bình Dương được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015 quyển số 01/2014 ngày 19/3/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 bà D phát hiện ông P có quan hệ tình cảm với khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng hơn. Bà D đã có khuyên ông P chấm dứt quan hệ cảm với người phụ nữ khác nhưng ông P không đồng ý. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Phạm Ph Ph, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D làm giao viên mầm non thu nhập trung bình mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông P làm công nhận thu nhập trung bình mỗi tháng 9.700.000 đồng nên bà D yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Phong P vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án

Cháu Phạm Ph Ph trình bày hiện đang sống chung với mẹ và có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an phường P, địa phương cung cấp thông tin như sau: ông Phạm Phong P, sinh năm 1986 sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu phố T, phường P, thị xã (nay thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Địa phương không biết nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà Trần Thị Bích D và ông Phạm Phong P vì không nhận được tin báo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Trần Thị Bích D và ông Phạm Phong P có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà D yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn sống chung nên bà D yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ. Về con chung: bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung phù hợp với nguyện vọng của con; bà D yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng là phù hợp; tài sản chung, nợ chung: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Bích D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Phong P nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Phong P có địa chỉ tại phường P, thành phố U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Phạm Phong P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích D và ông Phạm Phong P là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay thành phố) U, tỉnh Bình Dương được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015 quyển số 01/2014 ngày 19/3/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D yêu cầu ly hôn với ông P do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau và hiện nay bà D không còn tình cảm với ông P. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên bà D yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung Phạm Ph Ph, sinh ngày 07/02/2016. Bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng còn chung sau khi ly hôn và nguyện vọng của cháu cũng muốn sống chung với mẹ. Do đó yêu cầu của bà D là cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D yêu cầu ông Phạm Phong P cấp dưỡng nuôi còn với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Bích D phải chịu án phí hôn nhân gia đình và ông Phạm Phong P phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Phạm Phong P như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích D được ly hôn với ông Phạm Phong P.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ph Ph, sinh ngày 07/02/2016 cho bà Trần Thị Bích D trực tiếp nuôi dưỡng;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Phong P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Phạm Ph Ph sinh ngày 07/02/2016 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà Trần Thị Bích D và ông Phạm Phong P đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007434, ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Ông Phạm Phong P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7,7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm